

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2020/DS-PT

Ngày: 28/8/2020

V/v “Tranh chấp QSDĐ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Hạnh

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Lê Quang Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Hà Văn Chuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2020/TLPT-DS ngày 21/7/2020 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 01/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2020/QĐ - PT ngày 06 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 (có mặt)

1.1 Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1987

1.2 Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1988

Đại diện theo ủy quyền của anh H, anh H1: Bà Nguyễn Thị L (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện N, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Như H, sinh năm: 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện N, tỉnh Bình Phước

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Đinh Phụng V, sinh năm: 1964

3.2 Anh Đoàn Thiên S, sinh năm: 1992

3.3 Chị Đoàn Thị Thảo Q, sinh năm: 1994

3.4 Anh Đoàn Thế H, sinh năm: 1990

Đại diện theo ủy quyền của bà V, anh S, chị Q, anh H: Ông Đoàn Như H (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện N, tỉnh Bình Phước.

3.5 Ngân hàng nông Nghiệp PTNT N - Phòng giao dịch Lộc Thái
Đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Xuân L – Giám đốc phòng giao dịch
L(có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.6. UBND xã Lộc Hưng, huyện N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Trương Quyền - Chủ tịch UBND
xã Lộc Hưng, huyện N

3.7. Ủy ban nhân dân huyện N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trường S - Chủ tịch UBND huyện
N (có đơn xin vắng mặt)

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị L .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị L cũng là người đại diện theo ủy quyền của các đồng nguyên đơn Anh Nguyễn Văn H , Anh Nguyễn Văn H1 trình bày:

Năm 1996 Bà Nguyễn Thị L được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00121/QSĐĐ/sb ngày 01/4/1996 thửa số 055, tờ bản đồ số 12, diện tích 5.984m² tọa lạc tại ấp 3, xã Lộc Hưng, huyện N .

Năm 2002, UBND huyện N cấp đổi diện tích giảm còn 5.615m² cho hộ ông Nguyễn Văn H (chồng bà L) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00418 ngày 07/5/2002, thửa số 599, tờ bản đồ số 16. Gia đình bà L vẫn canh tác ổn định trên đất. Năm 2005 bà L cùng gia đình chuyển về xã Lộc Thành sinh sống bảy năm. Trong thời gian trên gia đình Ông Đoàn Như H có dựng 01 nhà tạm bằng gỗ ở phần đất chợ phía trước, giáp với đường đi của xóm và phần đất của gia đình bà nên ông H tự ý lấn chiếm đường đi của xóm và lấn một phần thửa đất của gia đình. Khoảng tháng 01/2018, ông H phá dỡ nhà gỗ tạm trên và xây nhà bằng gạch trên đất đường đi của xóm cũng như đất của gia đình bà. Bà L đã báo chính quyền địa phương đến giải quyết yêu cầu dừng thi công trái phép nhưng ông H vẫn tiếp tục xây. Nay bà L yêu cầu ông H phải tháo dỡ phần căn nhà xây trái phép trên đất của bà và trả lại diện tích lấn chiếm 72,5m² nằm trong thửa số 599 theo như trích đo bản đồ địa chính số 00-2018 ngày 21/8/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện N. Trên phần đất tranh chấp còn có 01 cây me gia đình bà L trồng khoảng 20 năm tuổi. Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm đang giải quyết, ông H đã tự ý chặt nên buộc ông H phải bồi thường giá trị cây me trên cho bà L .

Căn cứ bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Ông Đoàn Như H cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà V, anh S, chị Q, anh H trình bày:

Năm 2000 gia đình ông H đã đăng ký sử dụng diện tích 10m x 30m, sau khi đăng ký gia đình sử dụng đúng, không lấn chiếm của ai, nguồn gốc thửa đất gia đình đang ở là sang nhượng của ông Ph năm 1989, lúc sang nhượng có làm giấy tờ nhưng hiện đã thất lạc. Phía ông Ph bán đất, địa chỉ cụ thể ở đâu ông

không biết, hiện ông Ph đã chết. Đất chưa được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2018, do nhà gỗ hư hỏng nên ông H đã sửa chữa xây coi nói lại. Khi ông sửa chữa nhà thì bà L kiện ông ra Tòa, ông H không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã L trình bày:

UBND xã L không có ý kiến, yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT – Phòng giao dịch L trình bày:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 5604LAV201804232 ngày 30/8/2018 Bà Nguyễn Thị L vay số tiền 150 triệu đồng, thời hạn vay 36 tháng, tuy nhiên cho tới nay thời hạn thanh toán chưa đến, nên Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này, trong trường hợp bà L không thanh toán trả nợ, thì Ngân hàng yêu cầu bà L trả nợ và xử lý hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS - ST ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu Ông Đoàn Như H trả diện tích đất 72,5m², thửa đất tọa lạc tại ấp 3, xã Lộc Hưng, huyện N, tỉnh Bình Phước.

Kiến nghị UBND huyện N điều chỉnh giấy chứng nhận QSD đất số 00418 QSDD/293/2002/QĐ-UB ngày 07/5/2002 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn H theo như hiện trạng thực tế bà L đang sử dụng theo như trích đo bản đồ địa chính ngày 25/5/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện N.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 08/06/2020, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS - ST ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N buộc Ông Đoàn Như H trả diện tích đất 72,5m², thửa đất tọa lạc tại ấp 3, xã Lộc Hưng, huyện N, tỉnh Bình Phước cho bà L và bồi thường cho bà L giá trị 01 cây me mà ông H đã chặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đối với yêu cầu kháng cáo, bà L xin rút một phần nội dung yêu cầu bồi thường giá trị cây me. Đối với kháng cáo buộc ông H trả diện tích đất 72,5m² theo mảnh trích đo địa chính ngày 21/8/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện N và buộc ông H phải tháo dỡ, di dời toàn bộ các tài sản trên đất bà vẫn giữ nguyên và đồng ý tự nguyện hỗ trợ cho gia đình ông H 2.000.000đ (trong đó 1.000.000đ tiền ông bi đặt giếng; 1.000.000đ tiền di dời). Đối với khoản chi phí tố tụng 4.600.000đ bà cũng tự nguyện chịu thay cho bị đơn ông H .

Bị đơn ông H đồng ý, nếu Nhà nước thu hồi gia đình ông sẽ tự nguyện tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất vì nhà xây là nhà loại 7, xây coi nói tạm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà L. Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L: Buộc ông H trả diện tích đất 72,5m² theo mảnh trích đo địa chính ngày 21/8/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện N và buộc ông H phải tháo dỡ, di dời toàn bộ các tài sản trên đất. Đối với việc bà L tự nguyện rút một phần kháng cáo và chịu toàn bộ chi phí tố tụng cũng như tự nguyện hỗ trợ cho gia đình ông H 2.000.000đ cần ghi nhận.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thẩm vấn công khai các đương sự tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị L thấy rằng:
Về nguồn gốc 72,5m² đất tranh chấp:

Phía bị đơn ông H cho rằng: Đây là đất công, nguồn gốc ông H nhận chuyển nhượng của ông Phương, không rõ nhân thân, lai lịch, hiện đã chết. Việc chuyển nhượng không lập giấy tờ gì. Sau đó ông H có dựng nhà gỗ tạm trên diện tích đất ở phía trước giáp chợ. Năm 2018, do nhà gỗ bị mối mọt hư hỏng nặng nên ông H tháo dỡ, xây coi nói ra cả phần đất công phía sau, hiện đang tranh chấp với bà L. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông H thừa nhận, trên phần đất tranh chấp 72,5m² có một cây me như bà L trình bày nhưng ông H không chặt, còn ai chặt thì ông H không rõ và một phần căn nhà xây coi nói, có thể tháo dỡ di được gồm 02 phòng ngủ, 01 nhà vệ sinh, 01 giếng đào. Chứng minh cho lời trình bày của mình: Ông H có xuất trình cho Tòa án tài liệu duy nhất là: Tờ đăng ký kê khai diện tích đất, thời điểm năm 2000 ông H có đăng ký kê khai diện tích ngang 10m, dài 30m, tổng diện tích 300m². Ngoài ra, ông H còn cung cấp thêm một số thông báo nộp thuế của ông Lê Đình Trí, người ký nộp cũng là ông Tr và nộp thuế cho thửa đất nào thì không rõ (bút lục 27 đến 30).

Phía nguyên đơn bà L khẳng định: Năm 1996 bà L được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 5.984m², trong đó bao gồm cả phần diện tích đất tranh chấp 72,5m². Đến năm 2002 bà L xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên họ ông Nguyễn Văn H (chồng bà L) thì diện tích đất giảm còn 5.615m² nhưng vẫn bao gồm cả phần diện tích đất tranh chấp 72,5m². Từ khi được cấp GCNQSDĐ gia đình bà L sử dụng ổn định, có chôn cột

bê tông, rào kẽm gai xung quanh ranh đất. Năm 2005, gia đình bà L chuyển vào xã Lộc Thành sinh sống 07 năm. Năm 2018, gia đình ông H làm nhà có một phần trên đất của gia đình bà L, bà đã báo chính quyền địa phương vào lập biên bản yêu cầu dừng thi công nhưng ông H vẫn cố tình xây trái phép. Trên phần đất tranh chấp bà có trồng cây me hơn 20 năm tuổi. Khi Tòa án nhân dân huyện N đang giải quyết ông H tiếp tục chặt hạ cây, bà đã báo chính quyền địa phương.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H thừa nhận: Năm 2018, khi ông coi nơi nhà, xã có vào yêu cầu gia đình không được xây nhưng nghĩ đất của Nhà nước nên ông cứ tiếp tục xây. Nay nếu phần đất nguyên đơn tranh chấp, Nhà nước thu hồi thì ông H đồng ý trả lại đất và tự nguyện tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất theo như biên bản thẩm định ngày 24/8/2020 vì nhà ông xây coi nơi nên có thể di dời, tháo dỡ được.

Và tại phiên tòa phúc thẩm, cả nguyên đơn bà L và bị đơn ông H đều thống nhất sử dụng trích đo địa chính ngày 21/8/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện N để yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị L do Ủy ban nhân dân huyện N cung cấp thể hiện: Ngày 12/3/1996 Bà Nguyễn Thị L có tờ khai nộp tiền sử dụng đất, bà L đã nộp thuế với diện tích đất là 5.984m² thửa số 995 tờ bản đồ số 12 thuộc ấp 7, xã Lộc Hưng, huyện N, tỉnh Bình Phước. Ngày 01/4/1996 Bà Nguyễn Thị L được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00121/QSDĐ/Sb với diện tích 5.984m² mang tên Bà Nguyễn Thị L.

Căn cứ Công văn số 780/UBND-KT ngày 13/8/2020 của UBND huyện N cung cấp cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thì: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00121/QSDĐ/Sb của UBND huyện N cấp ngày 01/4/1996 cho Bà Nguyễn Thị L là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/5/2002 Bà Nguyễn Thị L xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00418, thửa số 599, tờ số 16 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H (chồng bà L) thì diện tích đất giảm 369m² còn 5.615m², chênh lệch 369m² là do sai số giữa 2 lần đo còn trình tự, thủ tục khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp đổi sang tên ông Hải, cơ quan quản lý đất đã thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý, có đo tứ cận. Từ khi được cấp GCNQSDĐ đến nay gia đình bà L đã sử dụng ổn định và có chôn cột bê tông và rào kẽm gai làm ranh đất.

Căn cứ theo quy định của Luật đất đai năm 2013: *“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất....là chứng thư pháp lý để Nhà nước xác nhận quyền sử dụng đất....của người có quyền sử dụng đất...”*

Vì vậy, có đầy đủ cơ sở pháp lý để khẳng định diện tích đất 72,5 m² thể hiện trên sơ đồ trích đo bản đồ địa chính ngày 21/8/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N thuộc thửa đất số 599, tờ số 16 đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho hộ Bà Nguyễn Thị L.

Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm lại căn cứ vào lời khai bắt nhất của ông H, khi thì cho rằng nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng của ông Phương, có lập giấy tờ

nhưng thất lạc, khi thì cho rằng không lập biên bản. Tại phiên tòa phúc thẩm lại cho rằng nguồn gốc đất là đất công của Nhà nước và tài liệu duy nhất, ông H xuất trình cho Tòa án là: Tờ khai diện tích tính thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế đất ở nông thôn đề ngày 26/9/2000 nhưng không ghi cụ thể nộp thuế cho diện tích đất nào? Tọa lạc tại đâu? (bút lục 27) cùng một số lời khai của những người làm chứng để xác định hộ ông H tới ở thửa đất trên khoảng từ năm 1990 cho tới nay mà không căn cứ vào nguồn gốc đất hợp pháp của bà L đã được cơ quan Nhà nước thừa nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng trình tự thủ tục của Luật đất đai để bảo vệ cho hộ bà L cũng như không hỏi ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện N để làm cơ sở giải quyết vụ án, từ đó đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là không phù hợp.

Căn cứ sơ đồ trích đo bản đồ địa chính ngày 21/8/2018 mà cả nguyên đơn và bị đơn thống nhất sử dụng làm chứng cứ để giải quyết vụ án, thể hiện diện tích đất ông H đang lấn đất của bà L là 72,5 m². Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/8/2020, trên diện tích đất tranh chấp 72,5 m² có: 2/3 diện tích đất có nhà, kết cấu loại 7, nghĩa là trong diện tích 72,5 m² có 02 phòng ngủ tường xây gạch, mái lợp tôn, nền lát gạch tàu, không đóng trần, xây coi nổi có thể tháo dỡ, di dời, 01 nhà vệ sinh, 01 giếng đào. Ông H trình bày đã bỏ ra chi phí lắp ống bi giếng hết 950.000đ, bà L đồng ý hỗ trợ cho ông H 1.000.000đ tiền ống bi giếng và 1.000.000đ hỗ trợ gia đình ông H tháo dỡ, di dời tài sản. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên cần ghi nhận.

UBND xã L khẳng định: Ngoài diện tích 72,5 m² tranh chấp với gia đình bà L, hiện ông H ở có một phần đất công do UBND đang quản lý. Phần đất công này chưa có chủ trương thu hồi.

Do khi tranh chấp, bà L đã có đơn yêu cầu chính quyền địa phương lập biên bản dừng thi công nhưng ông H vẫn cố tình xây dựng trái phép trên diện tích đất 72,5 m², thuộc thửa số 599 của gia đình bà L nên cần buộc ông H phải tự tháo dỡ, di dời toàn bộ các tài sản trên diện tích đất 72,5 m² này trả lại diện tích nêu trên cho bà L theo như trích đo bản đồ địa chính số 00-2018 ngày 21/8/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện N là phù hợp. Riêng 01 giếng đào không di dời được bà L đồng ý hỗ trợ cho gia đình ông H 1.000.000đ tiền ống bi như đã nêu trên nên cần ghi nhận. Vì vậy, kháng cáo của bà L được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngoài ra, đối với yêu cầu: bồi thường giá trị 01 cây me, tại phiên tòa phúc thẩm bà L đã rút kháng cáo nên cần đình chỉ.

[2]. Về án phí và các chi phí tố tụng khác.

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Do sửa án sơ thẩm nên Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án dân sự huyện N hoàn trả cho bà L số tiền 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0005806 ngày 17/4/2018 và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0000690 ngày 18/12/2019.

Ông H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng

- *Án phí dân sự phúc thẩm*:

Do yêu cầu kháng cáo của bà L được chấp nhận nên bà L không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện N hoàn trả lại cho bà L số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0000980 ngày 08/6/2020.

- *Chi phí tố tụng khác:*

Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà L không phải chịu chi phí đo đạc, chi phí thẩm định, định giá tài sản. Đáng lẽ, ông H phải chịu toàn bộ số tiền 4.600.000 đồng (gồm: 2.000.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, 2.100.000đ chi phí trích đo bản đồ địa chính, 500.000đ chi phí định giá tài sản), tuy nhiên do bà L xin tự nguyện chịu nên cần ghi nhận. Số tiền này bà L đã nộp tạm ứng tại Tòa án nhân dân huyện N nên đã thực hiện xong.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo về bồi thường giá trị một cây me của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị L .

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị L .

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2020/DS-ST ngày 01/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện N , tỉnh Bình Phước.

- Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 49, Điều 50 Luật đất đai năm 2003.

- Áp dụng Điều 166, Điều 170 Luật đất đai năm 2013.

- Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị L. Buộc Ông Đoàn Như H trả diện tích đất 72,5m², thuộc thửa số 599, đất tọa lạc tại ấp 3, xã Lộc Hưng, huyện N , tỉnh Bình Phước cho hộ Bà Nguyễn Thị L. (*Theo mảnh trích đo địa chính ngày 21/8/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện N*) .

Buộc Ông Đoàn Như H tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên diện tích đất 72,5m², thuộc thửa số 599 (*theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 24/8/2020: gồm 02 phòng ngủ, 01 nhà vệ sinh...*) để trả lại diện tích đất 72,5m² nêu trên, thuộc thửa số 599, đất tọa lạc tại ấp 3, xã Lộc Hưng, huyện N , tỉnh Bình Phước cho hộ Bà Nguyễn Thị L .

Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị L cho bị đơn Ông Đoàn Như H số tiền 2.000.000đ.

2. Về án phí và các chi phí tố tụng khác.

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Ông Đoàn Như H phải chịu 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L không phải chịu, Chi cục Thi hành án dân sự huyện N hoàn trả cho bà L số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0005806 ngày 17/4/2018 và 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0000690 ngày 18/12/2019.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Bà Nguyễn Thị L không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện N hoàn trả lại cho bà L số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0000980 ngày 08/6/2020.

- *Chi phí tố tụng khác*: Bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu 4.600.000 đồng số tiền này bà L đã nộp tạm ứng tại Tòa án nhân dân huyện N nên đã thực hiện xong.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Lộc N ;
- CCTHADS huyện Lộc N ;
- Các đương sự;
- Lưu: THCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hồng Hạnh

